

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**  
**MÃ SỐ: 7810103**

*(Ban hành theo Quyết định số: 4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

**- Tên ngành đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- + Tiếng Anh: Tourism and Travel Management

**- Mã số ngành đào tạo: 7810103**

**- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân**

**- Thời gian đào tạo: 04 năm**

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

- + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Tourism and Travel Management

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.**

**2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

- Đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; thái độ làm việc trách nhiệm, độc lập và hòa đồng với tập thể; yêu nước và tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên du lịch; có khả năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, khoa học du lịch (văn hóa du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch...) cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như quản trị lữ hành, hướng dẫn du lịch, quản trị sự kiện... ;

- Thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh du lịch và các đơn vị dịch vụ khác; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch; ứng xử, giao tiếp mang

tính chuyên nghiệp và sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

#### **1.1. Kiến thức chung**

- Vận dụng được kiến thức về khoa học Lý luận chính trị trong các hoạt động nghiệp vụ và nghiên cứu.
- Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1 tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gồm ngữ pháp và 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết).

#### **1.2. Kiến thức theo lĩnh vực**

- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu.
- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu.
- Ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

#### **1.3. Kiến thức theo khối ngành**

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn, các kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp... trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

- Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp và có thể vận dụng trong khởi nghiệp quản trị kinh doanh lễ hành và quản trị sự kiện.

- Áp dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong du lịch nói riêng.

- Vận dụng được những quan điểm, lý thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu và kinh doanh, quản lý du lịch.

#### **1.4. Kiến thức theo nhóm ngành**

- Phân tích, đánh giá, được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực lễ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện.

- Có kiến thức về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn nghề nghiệp du lịch.
- Phân tích được những kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành, kinh doanh du lịch.
- Có kiến thức về nghiệp vụ thuyết trình trong du lịch.

### **1.5. Kiến thức ngành**

- Có kiến thức về ẩm thực và dinh dưỡng, vận dụng để tạo được sản phẩm thu hút khách du lịch.
- Phân tích, đánh giá được chiến lược du lịch bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực.
- Vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thoả mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững.
- Vận dụng được các kiến thức về hướng dẫn du lịch, điều hành du lịch, tổ chức và quản trị sự kiện, giao tiếp và lễ tân ngoại giao trong hoạt động nghề nghiệp thực tế.

## **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng chuyên môn**

#### **2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp**

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;
- Biết lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai trong ngành du lịch, dịch vụ;
- Vận dụng được kỹ năng thực hành nghề lễ hành, hướng dẫn, tổ chức sự kiện; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất;
- Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành du lịch, dịch vụ, tự khẳng định năng lực và phẩm chất của mình trong tập thể, trong tổ chức;
- Biết tạo dựng mối quan hệ với đồng nghiệp và đối tác trong và ngoài cơ quan trong ngành du lịch, dịch vụ;
- Biết sử dụng các máy móc, trang thiết bị làm việc như các phần mềm cơ bản, sử dụng các thiết bị nghe nhìn phục vụ công việc chuyên môn trong du lịch;
- Phân tích, đánh giá vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn xây dựng, tổ chức chương trình du lịch, điều hành du lịch, hướng dẫn, các nghiệp vụ tổ chức sự kiện...;
- Biết tìm tòi, phát hiện, điều chỉnh, phát triển, sáng tạo cái mới như xây dựng sản phẩm mới trong lễ hành, xây dựng ý tưởng và thiết kế sự kiện...;
- Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp trong du lịch, dịch vụ;
- Vận dụng linh hoạt kỹ năng chăm sóc khách hàng và các đối tác trong du lịch, dịch vụ;
- Linh hoạt sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành du lịch, lễ hành và sự kiện...;
- Biết ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp du lịch.

#### **2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong du lịch, dịch vụ**

- Có tư duy logic, xác định vấn đề ưu tiên, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để đánh giá hiện tượng một cách toàn diện nhất và tìm được giải pháp tối ưu và phù hợp;
- Biết xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực tiễn quản lý, kinh doanh du lịch.

### 2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức du lịch

- Biết phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực dịch vụ du lịch như du lịch và kinh tế, xã hội, chính trị, môi trường tự nhiên...;
- Luôn cập nhật thông tin về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch như xu thế phát triển du lịch thế giới và khu vực, chính sách phát triển du lịch của Việt Nam, các thông tin thời sự về tình hình phát triển của du lịch;

### 2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp du lịch

- Hiểu, phân tích, đánh giá được những tác động đa chiều giữa du lịch với kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội để tìm ra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phát huy các tác động tích cực;
- Hiểu, phân tích, đánh giá được các vấn đề, giá trị, xu hướng của du lịch trong thời kỳ mới và bối cảnh kinh tế toàn cầu.

### 2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp du lịch

- Nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp du lịch trong hoạt động của doanh nghiệp;
- Hiểu rõ mối quan hệ giữa doanh nghiệp du lịch & các cơ quan quản lý đặc biệt là với Sở và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### 2.1.6. Có kỹ năng cơ bản về khởi nghiệp và có thể bước đầu sử dụng trong khởi nghiệp ở ngành lữ hành và sự kiện.

## 2.2. Kỹ năng bổ trợ:

### 2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý;
- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;
- Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời;

### 2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Biết hình thành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ chung của nhóm;
- Biết điều hành hoạt động của nhóm nhằm đạt mục tiêu;
- Biết phát triển nhóm làm việc;
- Biết lãnh đạo nhóm;
- Biết làm việc với các nhóm khác nhau.

### 2.2.3. Quản lý và lãnh đạo

- Trung thực, tin cậy và trách nhiệm khi thực hiện các công việc của ngành du lịch, dịch vụ và lữ hành;
- Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc;
- Có khả năng điều hành và đánh giá hoạt động của công việc;

- Biết chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của ngành;

- Có khả năng đàm phán, thuyết phục đối với tập thể và cá nhân.

#### 2.2.4. *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết xây dựng chiến lược giao tiếp cho bản thân;

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng trong các tình huống giao tiếp cụ thể;

- Có kỹ năng thuyết trình về các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp;

- Thực hiện thành thạo việc giao tiếp giữa các cá nhân trong văn phòng.

#### 2.2.5. *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

#### 2.2.6 *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Sử dụng thành thạo máy tính và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện các công việc đặc thù của ngành.

### **3. Về phẩm chất đạo đức**

#### **3.1. *Phẩm chất đạo đức cá nhân***

- Có lối sống lành mạnh;

- Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài;

- Linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hành nghề & xử lý tình huống;

- Chăm chỉ, có tinh thần học hỏi, cầu tiến và đặt mục tiêu cho bản thân;

- Nhiệt tình và say mê công việc;

- Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định.

#### **3.2. *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***

- Tâm huyết với công việc và nghề nghiệp, yêu quê hương, đất nước, muốn truyền đạt tình yêu đó cho mọi du khách trong và ngoài nước;

- Trung thực, đáng tin cậy khi thực hiện công việc;

- Có ý thức trách nhiệm trong xây dựng và phát triển đơn vị sử dụng lao động;

- Chu đáo, lắng nghe và thấu hiểu khi phục vụ khách hàng;

- Có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp;

- Chủ động thực hiện công việc;

- Chia sẻ thông tin, tương trợ đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan, trong và ngoài nước.

#### **3.3. *Phẩm chất đạo đức xã hội***

- Có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường;

- Tuân thủ luật pháp Việt Nam cũng như của các nước trong việc xây dựng hợp đồng và tổ chức du lịch.

### **4. Mức tự chủ và trách nhiệm**

- Có trách nhiệm trong việc bảo tồn các tài nguyên tự nhiên và văn hóa để phát triển du lịch.
- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến ngành lữ hành hoặc quản trị sự kiện.
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau trong ngành du lịch;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **5. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành:

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch;
- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai hoạt động trong các công ty lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện và các đơn vị dịch vụ khác;
- Nghiên cứu viên về khoa học du lịch;
- Giảng viên giảng dạy về du lịch.

### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực du lịch: có thể học cao học chương trình thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tại khoa Du lịch học, hoặc chuyển đổi để học thạc sĩ Văn hóa Nghệ thuật, thạc sĩ Việt Nam học, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thạc sĩ Du lịch tại các trường đại học nước ngoài...

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

**Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo** **133 tín chỉ**

**Khối kiến thức chung** (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh*): **16 tín chỉ**

**- Khối kiến thức theo lĩnh vực** (*chưa tính Kỹ năng bổ trợ*): **29 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **23 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **6/18 tín chỉ**

**- Khối kiến thức theo khối ngành:** **26 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **17 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **9/27 tín chỉ**

**- Khối kiến thức của nhóm ngành:** **15 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **9 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **6/21 tín chỉ**

**- Khối kiến thức ngành:** **47 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* **30 tín chỉ**

+ *Tự chọn* **9/21 tín chỉ**

+ *Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:* **8 tín chỉ**

## 2. Khung chương trình đào tạo:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (không bao gồm học phần 7 và 8)	<b>16</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất	4				
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>	<b>29</b>				
<b>II.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b> (không bao gồm học phần 17)	<b>23</b>				
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
10	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
11	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
12	PHI1054	Logic học đại cương	3	33	12		
13	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	30	15		
15	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
16	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17		Kĩ năng bổ trợ	3				
<b>II.2.</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6/18</b>				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		
<b>III.</b>		<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>26</b>				
<b>III.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>				
27	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
28	TOU1100	Đại cương về quản trị kinh doanh	3	30	15		
29	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	30	15		
30	FLH1146	Tiếng Anh du lịch	5	25	50		FLF1107
31	TOU1101	Kiến tập tổng hợp	3	3	33	9	TOU2001



Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>III.2</b>		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9/27</b>				
32	GEO1001	Địa lý thế giới	3	36	9		
33	CAL2004	Luật hành chính Việt Nam	3	30	15		
34	LIB2001	Thông tin học đại cương	3	40	5		
35	MNS1101	Văn hoá tổ chức	3	36	9		
36	PRS1100	Quan hệ công chúng đại cương	3	39	6		
37	MNS1100	Khoa học quản lý đại cương	3	36	9		
38	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
39	PSY2031	Tâm lý học quản lý	3	30	15		PSY1051
40	REL1100	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
<b>IV</b>		<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	<b>15</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>				
41	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	30	15		TOU2001
42	TOU1150	Văn hóa du lịch	3	30	15		TOU2001
43	TOU1151	Marketing du lịch	3	30	15		TOU2001
<b>IV.2</b>		<b>Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):</b>	<b>6</b>				
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/12</i>				
44	TOU1152	Hành vi tiêu dùng du lịch	2	20	10		PSY1051
45	TOU1153	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	20	10		TOU2003
46	TOU2012	Thống kê du lịch	2	20	10		MAT1078 /TOU2003
47	TOU1154	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống	2	20	10		TOU1150
48	TOU1155	Du lịch tôn giáo - tín ngưỡng	2	20	10		TOU1150
49	TOU2005	Pháp luật du lịch	2	20	10		
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/9</i>				
50	SIN1001	Hán Nôm cơ sở	3	30	15		
51	MNS1104	Quản lý nguồn nhân lực	3	36	9		MNS1100
52	MNS3036	Văn hóa và đạo đức quản lý	3	36	9		MNS1100
<b>V</b>		<b>Khối kiến thức ngành</b>	<b>47</b>				
<b>V.1</b>		<b>Các học phần chung cho các hướng chuyên ngành (bắt buộc)</b>	<b>8</b>				
53	TOU2002	Địa lí du lịch	3	30	15		TOU2001
54	TOU2016	Thực tập tổng hợp	3	3	33	9	TOU2001
55	TOU2013	Niên luận	2	6		24	MNS1053
<b>V.2</b>		<b>Các học phần theo hướng chuyên ngành (Chọn 1 trong 2 hướng)</b>					
<b>V.2.1</b>		<b>Quản trị lữ hành</b>	<b>31</b>				
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>22</b>				
56	TOU3012	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	3	30	15		TOU2002

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
57	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	24	21		TOU2001
58	TOU3014	Nghiệp vụ lễ hành	3	30	15		TOU2001
59	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	30	15		TOU3014/ TOU1100
60	FLF1147	Tiếng Anh chuyên ngành lễ hành	4	20	40		FLF1146
61	TOU3035	Thực tập chuyên ngành 1 (lễ hành)	3	9	30	6	TOU3014
62	TOU3036	Thực tập chuyên ngành 2 (hướng dẫn)	3	9	30	6	TOU3013
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9/21</b>				
63	TOU3015	Du lịch sinh thái	3	30	15		TOU2002
64	TOU3016	Du lịch văn hoá	3	30	15		TOU1150
65	TOU3017	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	30	15		
66	TOU3018	Xúc tiến du lịch	3	30	15		TOU1151
67	TOU3019	Tổng quan về sự kiện	3	30	15		
68	TOU3020	Diễn giảng công cộng	3	24	21		
69	TOU3003	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	30	15		TOU2001/ TOU1100
V.2.2		<b>Quản trị sự kiện</b>	<b>31</b>				
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>22</b>				
70	TOU3019	Tổng quan về sự kiện	3	30	15		
71	TOU3024	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện	3	30	15		
72	TOU3026	Quản trị sự kiện	4	40	20		TOU3019
73	TOU3027	Thực hành lập dự án sự kiện	3	15	21	9	TOU3024
74	TOU3025	PR và truyền thông cho sự kiện	3	30	15		
75	TOU3037	Thực tập chuyên ngành sự kiện 1	3		39	6	TOU3027
76	TOU3038	Thực tập chuyên ngành sự kiện 2	3		39	6	TOU3027
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9/21</b>				
77	TOU3028	Ý tưởng và kịch bản sự kiện	3	30	15		
78	TOU3029	Tài trợ và gây quỹ cho sự kiện	3	30	15		TOU3019
79	TOU3022	Quản trị thực phẩm đồ uống	3	30	15		TOU2001/ TOU1100
80	TOU3017	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	30	15		
81	TOU3018	Xúc tiến du lịch	3	30	15		TOU1151
82	TOU3003	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	30	15		TOU2001/ TOU1100
83	TOU3020	Diễn giảng công cộng	3	24	21		
V.3		<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>8</b>				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
84	TOU4050	Thực tập tốt nghiệp	3	6		39	TOU3035/ TOU3036/ TOU3037/ TOU3038
85	TOU4051	Khóa luận tốt nghiệp	5				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>					
86	TOU4052	Tài nguyên du lịch	2	20	10		
87	TOU4053	Kinh doanh du lịch	3	30	15		
<b>Tổng cộng</b>			<b>133</b>				

**Ghi chú:** Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.